PHỤ LỤC 01

PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO CÔNG TRÌNH, CÁC DỰ ÁN THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022 CỦA HUYỆN IA H'DRAI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đvt: triệu đồng

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu đầu tư	Quyết định đầu tư	Trong đó							Phân bổ kế hoạch vốn năm 2022	Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
							Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư								
								Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			Các nguồn vốn huy động khác	Ngân sách Trung ương		
										Ngân sách tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã				
TỔNG SỐ (I+II)								**197,216.65**	**170,662.00**	**2,145.00**	**21,452.90**	**1,489.90**	**1,466.85**	**67,714.00**		
I	**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**							**188,251.55**	**166,372.00**	**0.00**	**20,165.90**	**631.90**	**1,081.75**	**63,424.00**		
1	**Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo**							**188,251.55**	**166,372.00**	**0.00**	**20,165.90**	**631.90**	**1,081.75**	**63,424.00**		
1.1	***Tiểu dự án 1***							***188,251.55***	***166,372.00***	***0.00***	***20,165.90***	***631.90***	***1,081.75***	***63,424.00***		
Xã Ia Dom								***4,187.15***	***3,641.00***	***0.00***	***182.05***	***182.05***	***182.05***	***3,641.00***		
1.1.1	Đường vào nghĩa trang thôn 1 xã Ia Dom	UBND Xã Ia Dom	Thôn 1, xã Ia Dom	2022	Cứng hoá đường	Quyết định số 44/QĐ-UBND xã Ia Dom ngày 04/8/2022	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 2,5 km, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, BT M250, đá 2x4 và các công trình phụ trợ khác	4,187.15	3,641.00	0.00	182.05	182.05	*182.05*	3,641.00	x	
Xã Ia Đal								***6,427.20***	***5,356.00***	***0.00***	***267.80***	***267.80***	***535.60***	***5,098.00***		
1.1.2	Đường GTNT thôn 4 (Điểm dân cư số 11 C.Ty CP Sâm Ngọc Linh)	UBND xã Ia Đal	Thôn 4, xã Ia Đal	2022	Cứng hoá đường ngõ, xóm	Quyết định số 63/QĐ-UBND xã Ia Đal ngày 05/8/2022	Đường cấp B; chiều dài khoảng 1,1 km; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, BT M250, đá 2x4 và các công trình phụ trợ khác	1,934.40	1,612.00	0.00	80.60	80.60	*161.20*	1,612.00	x	
1.1.3	Đường GTNT thôn 3 (Điểm dân cư số 7 mở rộng)	UBND xã Ia Đal	Thôn 3, xã Ia Đal	2022-	Cứng hoá đường ngõ, xóm	Quyết định số 64/QĐ-UBND xã Ia Đal ngày 05/8/2022	Đường cấp B; chiều dài khoảng 2,5 km; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, BT M250, đá 2x4 và các công trình phụ trợ khác	4,492.80	3,744.00	0.00	187.20	187.20	*374.40*	3,486.00	x	
Xã Ia Tơi								***4,369.20***	***3,641.00***	***0.00***	***182.05***	***182.05***	***364.10***	***3,641.00***		

							Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư								
								Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			Các nguồn vốn huy động khác	Ngân sách Trung ương		
										Ngân sách tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã				
1.1.4	Đường giao thông thôn đi bến đò làng Dom thôn 9, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	Thôn 9, xã Ia Tơi	2022	Cứng hóa	Quyết định số 80/QĐ-UBND xã Ia Tơi ngày 04/8/2022	Đường cấp B; chiều dài khoảng 2,5 km; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, M250, đá 2x4	4,369.20	3,641.00	0.00	182.05	182.05	*364.10*	3,641.00	x	
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng								***173,268.00***	***153,734.00***	***0.00***	***19,534.00***	***0.00***	***0.00***	***51,044.00***		
1.1.5	Trường mầm non khu trung tâm hành chính huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Tơi	2022-2024	(1)	Quyết định số 292/QĐ-UBND huyện ngày 06/8/2022	(1)	22,000.00	20,000.00	0.00	2,000.00	0.00	*0.00*	6,092.91		
1.1.6	Trường TH-THCS khu trung tâm hành chính huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Tơi	2022-2024	(2)	Quyết định số 290/QĐ-UBND huyện ngày 06/8/2022	(2)	30,268.00	26,661.00	0.00	3,607.00	0.00	*0.00*	8,125.36		
1.1.7	Nghĩa trang nhân dân huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Tơi	2022-2024	(3)	Quyết định số 289/QĐ-UBND huyện ngày 06/8/2022	(3)	11,000.00	10,000.00	0.00	1,000.00	0.00	*0.00*	6,471.27		
1.1.8	Nhà văn hóa thể thao và sân vận động trung tâm huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Tơi	2022-2024	(4)	Quyết định số 291/QĐ-UBND huyện ngày 06/8/2022	(4)	33,000.00	27,073.00	0.00	5,927.00	0.00	*0.00*	10,000.00		
1.1.9	Cầu suối đá huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Tơi	2022-2024	(5)	Quyết định số 288/QĐ-UBND huyện ngày 06/8/2022	(5)	77,000.00	70,000.00	0.00	7,000.00	0.00	*0.00*	20,354.45		
II	**Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**							**8,965.10**	**4,290.00**	**2,145.00**	**1,287.00**	**858.00**	**385.10**	**4,290.00**		
1	**Kế hoạch vốn ĐTPT năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022**							**8,040.55**	**3,839.00**	**1,919.50**	**1,151.70**	**767.80**	**362.55**	**3,839.00**		
Xã Ia Dom								***875.35***	***427.00***	***213.50***	***128.10***	***85.40***	***21.35***	***427.00***		
1.1	Đường vào khu sản xuất N1, thôn 1, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn 1, xã Ia Dom	2022	Cứng hoá đường sản xuất	Quyết định số 46/QĐ-UBND xã Ia Dom ngày 04/8/2022	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 0,53 km.Lớp đệm cát dày 3cm, bê tông dày 18cm,BTXM M250, đá 2x4 và các công trình phụ trợ khác	875.35	427.00	213.50	128.10	85.40	*21.35*	427.00	x	Dự kiến Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%
Xã Ia Đal								***3,582.60***	***1,706.00***	***853.00***	***511.80***	***341.20***	***170.60***	***1,706.00***		

							Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư								
								Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			Các nguồn vốn huy động khác	Ngân sách Trung ương		
										Ngân sách tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã				
1.2	Đường GTNT vào nghĩa trang nhân dân thôn 3	UBND xã Ia Đal	Thôn 3, xã Ia Đal	2022	Cứng hoá	Quyết định số 65/QĐ-UBND xã Ia Đal ngày 05/8/2022	Đường cấp B; chiều dài khoảng 2,1 km; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, BT M250, đá 2x4 và các công trình phụ trợ khác	3,582.60	1,706.00	853.00	511.80	341.20	*170.60*	1,706.00	x	Dự kiến Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%
Xã Ia Tơi								***3,582.60***	***1,706.00***	***853.00***	***511.80***	***341.20***	***170.60***	***1,706.00***		
1.3	Công trình:Đường giao thông thôn đi nghĩa trang nhân dân thôn 9, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	Thôn 9, xã Ia Tơi	2022	Cứng hóa	Quyết định số 81/QĐ-UBND xã Ia Tơi ngày 04/8/2022	Đường cấp B; chiều dài khoảng 2,1 km; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, M250, đá 2x4	3,582.60	1,706.00	853.00	511.80	341.20	*170.60*	1,706.00	x	Dự kiến Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%
2	**Kế hoạch vốn ĐTPT giai đoạn 2022-2025**							**924.55**	**451.00**	**225.50**	**135.30**	**90.20**	**22.55**	**451.00**		
Xã Ia Dom								***924.55***	***451.00***	***225.50***	***135.30***	***90.20***	***22.55***	***451.00***		
2.1	Đường GTNT số 1 thôn 2, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn 2, xã Ia Dom	2022	Cứng hoá đường ngõ, xóm	Quyết định số 45/QĐ-UBND xã ngày 04/8/2022	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 0,1 km. Lớp đệm cát dày 3cm, bê tông dày 18cm, BTXM M250, đá 2x4 và các công trình phụ trợ khác	164.00	80.00	40.00	24.00	16.00	*4.00*	80.00	x	Dự kiến Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%
2.2	Đường vào khu sản xuất N2, thôn 1, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn 1, xã Ia Dom	2022	Cứng hoá đường sản xuất	Quyết định số 47/QĐ-UBND xã ngày 04/8/2022	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 0,46km. Lớp đệm cát dày 3cm, bê tông dày 18cm,BTXM M250, đá 2x4 và các công trình phụ trợ khác	760.55	371.00	185.50	111.30	74.20	*18.55*	371.00	x	Dự kiến Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%

(1) **Mục tiêu:** Phục vụ việc dạy và học đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục & đào tạo nói chung và nhu cầu học tập của con em nhân dân sinh sống, công tác, làm việc trên địa bàn huyện nói riêng. Góp phần tạo nên bộ mặt kiến trúc của khu trung tâm hành chính huyện, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo đạt tiêu chí về lĩnh vực giáo dục để xã Ia Tơi đạt chuẩn nông thôn mới

Quy mô: Nhà học 6 phòng học diện tích khoảng 709m2, nhà học 4 phòng học bộ môn diện tích khoảng 320,4m2; Nhà hiệu bộ diện tích khoảng 283,92m2; Nhà bếp ăn diện tích khoảng 140,4 m2; Nhà đa năng diện tích khoảng 190,8m2; Nhà vệ sinh giáo viên diện tích khoảng 31,2m2 và các hạng mục phụ trợ khác

(2) **Mục tiêu:** Phục vụ việc dạy và học đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục & đào tạo nói chung và nhu cầu học tập của con em nhân dân sinh sống, công tác, làm việc trên địa bàn huyện nói riêng. Góp phần tạo nên bộ mặt kiến trúc của khu trung tâm hành chính huyện, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo đạt tiêu chí về lĩnh vực giáo dục để xã Ia Tơi đạt chuẩn nông thôn mới.

Quy mô: San ủi mặt bằng: 13.676m2; Cổng ra vào : 01 cái; Tường rào thoáng: 138m; Tường rào lưới B40: 202m; Nhà để xe học sinh : 110,7m2; Nhà hiệu bộ: 563,94m2; Nhà học 08 phòng THCS : 688,9m2; Nhà học 10 phòng Tiểu học : 834,17m2; Nhà vệ sinh (46,08m2/01 nhàx02 nhà) : 92,16m2; Các hạng mục phụ trợ khác như: Sân đường nội bộ, hệ thống cấp thoát nước tổng thể, hệ thống cấp điện + PCCC...; Thiết bị kèm theo dự án.

							Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư								
								Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			Các nguồn vốn huy động khác	Ngân sách Trung ương		
										Ngân sách tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã				

(3) **Mục tiêu:** Phục vụ việc chôn cất cho mọi đối tượng dân cư sinh sống trên địa bàn và khu vực lân cận, phục vụ việc di dời các mộ phần nằm rải rác trong các khu quy hoạch xây dựng, đảm bảo cảnh quan, vệ sinh môi trường theo quy hoạch
Quy mô với diện tích khoảng 9,5 ha.
- Cổng, tường rào: Trụ bê tông cốt thép; Sân bê tông khoảng: 1.500 m2.
- Đường giao thông có chiều dài khoảng 2050m bằng BTXM đá 1*2 M250 trên 1 lớp giây dầu; rãnh thoát nước nội bộ.
- Và các hạng mục phụ trợ khác: Cống thoát nước, rãnh chống rỉ nước,.....

(4) **Mục tiêu:** Phục vụ tổ chức các cuộc thi, hội thao cấp huyện, các hoạt động thể dục thể thao quần chúng. Đồng thời tổ chức một số giải thi đấu các môn thể thao khác trong khu vực. Góp phần tạo nên bộ mặt kiến trúc của khu trung tâm hành chính huyện, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế
Quy mô: Nhà văn hóa thể thao: Khoảng 1.151 m2; Sân bóng đá cỏ nhân tạo: Khoảng 2.378m2; Cổng, tường rào: Khoảng 673,36m; San ủi mặt bằng: Khoảng 22.364 m2; Các hạng mục phụ trợ khác như: Sân đường nội bộ, hệ thống cấp thoát nước tổng thể, hệ thống cấp điện + PCCC...

(5) **Mục tiêu:** Tạo điểm nhấn kiến trúc vùng đô thị theo quy hoạch, tạo lập một môi trường không gian, kiến trúc cảnh quan phù hợp với sự phát triển của khu vực,Từng bước hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng theo quy hoạch; tạo điều kiện thuận lợi đểphát triển khu trung tâm Thương mại, trung tâm Hành chính - Chính trị., phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật; phát triển kinh tế - xã hội.
Quy mô: Chiều dài tuyến khoảng L=692.00m (chiều dài cầu khoảng L=63m, chiều dài đường hai đầu cầu L=629.00m). Trong đó: Bn=32m, Bm=18m, Bvh=12m, Blgc=2m; Và các hạng mục phụ trợ khác: Công trình thoát nước ngang, Công trình thoát nước dọc, vỉa hè, hệ thống đường ống kỹ thuật, an toàn giao thông...

PHỤ LỤC 02

PHÂN BỔ NGÂN SÁCH HUYỆN ĐỐI ỨNG CHO CÔNG TRÌNH, CÁC DỰ ÁN THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022 CỦA HUYỆN IA H'DRAI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đvt: triệu đồng

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu đầu tư	Quyết định đầu tư	Trong đó							Phân bổ kế hoạch vốn năm 2022	Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
							Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư						Ngân sách địa phương *(huyện)*		
								Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			Các nguồn vốn huy động khác	Nguồn phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối		
										Ngân sách tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã				
TỔNG SỐ (I+II)								**197,216.65**	**170,662.00**	**2,145.00**	**21,452.90**	**1,489.90**	**1,466.85**	**7,010.40**		
I	**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**							**188,251.55**	**166,372.00**	**0.00**	**20,165.90**	**631.90**	**1,081.75**	**5,723.40**		
1	**Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo**							**188,251.55**	**166,372.00**	**0.00**	**20,165.90**	**631.90**	**1,081.75**	**5,723.40**		
1.1	***Tiểu dự án 1***							***188,251.55***	***166,372.00***	***0.00***	***20,165.90***	***631.90***	***1,081.75***	***5,723.40***		
Xã Ia Dom								***4,187.15***	***3,641.00***	***0.00***	***182.05***	***182.05***	***182.05***	***182.05***		
1.1.1	Đường vào nghĩa trang thôn 1 xã Ia Dom	UBND Xã Ia Dom	Thôn 1, xã Ia Dom	2022	Cứng hoá đường	Quyết định số 44/QĐ-UBND xã Ia Dom ngày 04/8/2022	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 2,5 km, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, BT M250, đá 2x4 và các công trình phụ trợ khác	4,187.15	3,641.00	0.00	182.05	182.05	*182.05*	182.05	x	
Xã Ia Đal								***6,427.20***	***5,356.00***	***0.00***	***267.80***	***267.80***	***535.60***	***254.90***		
1.1.2	Đường GTNT thôn 4 (Điểm dân cư số 11 C.Ty CP Sâm Ngọc Linh)	UBND xã Ia Đal	Thôn 4, xã Ia Đal	2022	Cứng hoá đường ngõ, xóm	Quyết định số 63/QĐ-UBND xã Ia Đal ngày 05/8/2022	Đường cấp B; chiều dài khoảng 1,1 km; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, BT M250, đá 2x4 và các công trình phụ trợ khác	1,934.40	1,612.00	0.00	80.60	80.60	*161.20*	80.60	x	
1.1.3	Đường GTNT thôn 3 (Điểm dân cư số 7 mở rộng)	UBND xã Ia Đal	Thôn 3, xã Ia Đal	2022-	Cứng hoá đường ngõ, xóm	Quyết định số 64/QĐ-UBND xã Ia Đal ngày 05/8/2022	Đường cấp B; chiều dài khoảng 2,5 km; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, BT M250, đá 2x4 và các công trình phụ trợ khác	4,492.80	3,744.00	0.00	187.20	187.20	*374.40*	174.30	x	
Xã Ia Tơi								***4,369.20***	***3,641.00***	***0.00***	***182.05***	***182.05***	***364.10***	***182.05***		

							Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư								
								Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			Các nguồn vốn huy động khác	Ngân sách địa phương *(huyện)*		
										Ngân sách tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		Nguồn phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối		
1.1.4	Đường giao thông thôn đi bến đò làng Dom thôn 9, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	Thôn 9, xã Ia Tơi	2022	Cứng hóa	Quyết định số 80/QĐ-UBND xã Ia Tơi ngày 04/8/2022	Đường cấp B; chiều dài khoảng 2,5 km; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, M250, đá 2x4	4,369.20	3,641.00	0.00	182.05	182.05	*364.10*	182.05	x	
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng								***173,268.00***	***153,734.00***	***0.00***	***19,534.00***	***0.00***	***0.00***	***5,104.40***		
1.1.5	Trường mầm non khu trung tâm hành chính huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Tơi	2022-2024	(1)	Quyết định số 292/QĐ-UBND huyện ngày 06/8/2022	(1)	22,000.00	20,000.00	0.00	2,000.00	0.00	*0.00*	609.29		
1.1.6	Trường TH-THCS khu trung tâm hành chính huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Tơi	2022-2024	(2)	Quyết định số 290/QĐ-UBND huyện ngày 06/8/2022	(2)	30,268.00	26,661.00	0.00	3,607.00	0.00	*0.00*	812.54		
1.1.7	Nghĩa trang nhân dân huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Tơi	2022-2024	(3)	Quyết định số 289/QĐ-UBND huyện ngày 06/8/2022	(3)	11,000.00	10,000.00	0.00	1,000.00	0.00	*0.00*	647.13		
1.1.8	Nhà văn hóa thể thao và sân vận động trung tâm huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Tơi	2022-2024	(4)	Quyết định số 291/QĐ-UBND huyện ngày 06/8/2022	(4)	33,000.00	27,073.00	0.00	5,927.00	0.00	*0.00*	1,000.00		
1.1.9	Cầu suối đá huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Tơi	2022-2024	(5)	Quyết định số 288/QĐ-UBND huyện ngày 06/8/2022	(5)	77,000.00	70,000.00	0.00	7,000.00	0.00	*0.00*	2,035.45		
II	**Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**							**8,965.10**	**4,290.00**	**2,145.00**	**1,287.00**	**858.00**	**385.10**	**1,287.00**		
1	**Kế hoạch vốn ĐTPT năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022**							**8,040.55**	**3,839.00**	**1,919.50**	**1,151.70**	**767.80**	**362.55**	**1,151.70**		
Xã Ia Dom								***875.35***	***427.00***	***213.50***	***128.10***	***85.40***	***21.35***	***128.10***		
1.1	Đường vào khu sản xuất N1, thôn 1, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn 1, xã Ia Dom	2022	Cứng hoá đường sản xuất	Quyết định số 46/QĐ-UBND xã Ia Dom ngày 04/8/2022	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 0,53 km.Lớp đệm cát dày 3cm, bê tông dày 18cm,BTXM M250, đá 2x4 và các công trình phụ trợ khác	875.35	427.00	213.50	128.10	85.40	*21.35*	128.10	x	Dự kiến Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%
Xã Ia Đal								***3,582.60***	***1,706.00***	***853.00***	***511.80***	***341.20***	***170.60***	***511.80***		

							Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư								
								Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			Các nguồn vốn huy động khác	Ngân sách địa phương *(huyện)*		
										Ngân sách tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		Nguồn phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối		
1.2	Đường GTNT vào nghĩa trang nhân dân thôn 3	UBND xã Ia Đal	Thôn 3, xã Ia Đal	2022	Cứng hoá	Quyết định số 65/QĐ-UBND xã Ia Đal ngày 05/8/2022	Đường cấp B; chiều dài khoảng 2,1 km; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, BT M250, đá 2x4 và các công trình phụ trợ khác	3,582.60	1,706.00	853.00	511.80	341.20	*170.60*	511.80	x	Dự kiến Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%
Xã Ia Tơi								***3,582.60***	***1,706.00***	***853.00***	***511.80***	***341.20***	***170.60***	***511.80***		
1.3	Công trình:Đường giao thông thôn đi nghĩa trang nhân dân thôn 9, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	Thôn 9, xã Ia Tơi	2022	Cứng hóa	Quyết định số 81/QĐ-UBND xã Ia Tơi ngày 04/8/2022	Đường cấp B; chiều dài khoảng 2,1 km; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, M250, đá 2x4	3,582.60	1,706.00	853.00	511.80	341.20	*170.60*	511.80	x	Dự kiến Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%
2	**Kế hoạch vốn ĐTPT giai đoạn 2022-2025**							**924.55**	**451.00**	**225.50**	**135.30**	**90.20**	**22.55**	**135.30**		
Xã Ia Dom								***924.55***	***451.00***	***225.50***	***135.30***	***90.20***	***22.55***	***135.30***		
2.1	Đường GTNT số 1 thôn 2, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn 2, xã Ia Dom	2022	Cứng hoá đường ngõ, xóm	Quyết định số 45/QĐ-UBND xã ngày 04/8/2022	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 0,1 km. Lớp đệm cát dày 3cm, bê tông dày 18cm, BTXM M250, đá 2x4 và các công trình phụ trợ khác	164.00	80.00	40.00	24.00	16.00	*4.00*	24.00	x	Dự kiến Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%
2.2	Đường vào khu sản xuất N2, thôn 1, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn 1, xã Ia Dom	2022	Cứng hoá đường sản xuất	Quyết định số 47/QĐ-UBND xã ngày 04/8/2022	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 0,46km. Lớp đệm cát dày 3cm, bê tông dày 18cm,BTXM M250, đá 2x4 và các công trình phụ trợ khác	760.55	371.00	185.50	111.30	74.20	*18.55*	111.30	x	Dự kiến Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%

(1) **Mục tiêu:** Phục vụ việc dạy và học đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục & đào tạo nói chung và nhu cầu học tập của con em nhân dân sinh sống, công tác, làm việc trên địa bàn huyện nói riêng. Góp phần tạo nên bộ mặt kiến trúc của khu trung tâm hành chính huyện, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo đạt tiêu chí về lĩnh vực giáo dục để xã Ia Tơi đạt chuẩn nông thôn mới

Quy mô: Nhà học 6 phòng học diện tích khoảng 709m2, nhà học 4 phòng học bộ môn diện tích khoảng 320,4m2; Nhà hiệu bộ diện tích khoảng 283,92m2; Nhà bếp ăn diện tích khoảng 140,4 m2; Nhà đa năng diện tích khoảng 190,8m2; Nhà vệ sinh giáo viên diện tích khoảng 31,2m2 và các hạng mục phụ trợ khác

(2) **Mục tiêu:** Phục vụ việc dạy và học đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục & đào tạo nói chung và nhu cầu học tập của con em nhân dân sinh sống, công tác, làm việc trên địa bàn huyện nói riêng. Góp phần tạo nên bộ mặt kiến trúc của khu trung tâm hành chính huyện, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo đạt tiêu chí về lĩnh vực giáo dục để xã Ia Tơi đạt chuẩn nông thôn mới.

Quy mô: San ủi mặt bằng: 13.676m2; Cổng ra vào : 01 cái; Tường rào thoáng: 138m; Tường rào lưới B40: 202m; Nhà để xe học sinh : 110,7m2; Nhà hiệu bộ: 563,94m2; Nhà học 08 phòng THCS : 688,9m2; Nhà học 10 phòng Tiểu học : 834,17m2; Nhà vệ sinh (46,08m2/01 nhàx02 nhà) : 92,16m2; Các hạng mục phụ trợ khác như: Sân đường nội bộ, hệ thống cấp thoát nước tổng thể, hệ thống cấp điện + PCCC...; Thiết bị kèm theo dự án.

							Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư								
								Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			Các nguồn vốn huy động khác	Ngân sách địa phương *(huyện)*		
										Ngân sách tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		Nguồn phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối		

(3) **Mục tiêu:** Phục vụ việc chôn cất cho mọi đối tượng dân cư sinh sống trên địa bàn và khu vực lân cận, phục vụ việc di dời các mộ phần nằm rải rác trong các khu quy hoạch xây dựng, đảm bảo cảnh quan, vệ sinh môi trường theo quy hoạch
Quy mô với diện tích khoảng 9,5 ha.
- Cổng, tường rào: Trụ bê tông cốt thép; Sân bê tông khoảng: 1.500 m2.
- Đường giao thông có chiều dài khoảng 2050m bằng BTXM đá 1*2 M250 trên 1 lớp giây dầu; rãnh thoát nước nội bộ.
- Và các hạng mục phụ trợ khác: Cống thoát nước, rãnh chống rỉ nước,.....

(4) **Mục tiêu:** Phục vụ tổ chức các cuộc thi, hội thao cấp huyện, các hoạt động thể dục thể thao quần chúng. Đồng thời tổ chức một số giải thi đấu các môn thể thao khác trong khu vực. Góp phần tạo nên bộ mặt kiến trúc của khu trung tâm hành chính huyện, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế
Quy mô: Nhà văn hóa thể thao: Khoảng 1.151 m2; Sân bóng đá cỏ nhân tạo: Khoảng 2.378m2; Cổng, tường rào: Khoảng 673,36m; San ủi mặt bằng: Khoảng 22.364 m2; Các hạng mục phụ trợ khác như: Sân đường nội bộ, hệ thống cấp thoát nước tổng thể, hệ thống cấp điện + PCCC...

(5) **Mục tiêu:** Tạo điểm nhấn kiến trúc vùng đô thị theo quy hoạch, tạo lập một môi trường không gian, kiến trúc cảnh quan phù hợp với sự phát triển của khu vực,Từng bước hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng theo quy hoạch; tạo điều kiện thuận lợi đểphát triển khu trung tâm Thương mại, trung tâm Hành chính - Chính trị., phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật; phát triển kinh tế - xã hội.
Quy mô: Chiều dài tuyến khoảng L=692.00m (chiều dài cầu khoảng L=63m, chiều dài đường hai đầu cầu L=629.00m). Trong đó: Bn=32m, Bm=18m, Bvh=12m, Blgc=2m; Và các hạng mục phụ trợ khác: Công trình thoát nước ngang, Công trình thoát nước dọc, vỉa hè, hệ thống đường ống kỹ thuật, an toàn giao thông...